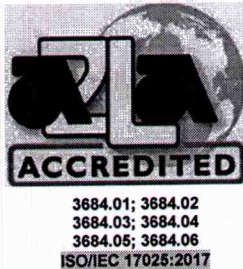


Phê duyệt/ Approval	Hiệu lực/Validity	Hệ thống/Systematicity	Khả thi/Feasibility
Ngày/Date	25/05/2022	24/05/2022	24/05/2022
Ký tên/Sign			
Họ Tên/Name	Nguyễn Thị Yến	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nguyễn Thị Hồng Nhung
Chức danh/ Position	Tổng giám đốc/ General Director	Trưởng Ban QA/ Head of QA	Trưởng Ban QA/ Head of QA

1. Tài liệu viện dẫn		1. Cited documents	
1.1. Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BTC-BNNPTNT; 1.2. R105 Yêu cầu khi tham chiếu tình trạng công nhận bởi A2LA; 1.3. GR-02 Quy định về sử dụng logo và dấu hiệu công nhận – AOSC.		1.1. Circular 20/2013/TTLT-BYT-BTC-BNNPTNT; 1.2. R105 Requirements when making reference to A2LA accredited status; 1.3. GR-02 Regulations on Using Logo and Accreditation Symbo – AOSC.	
2. Mục đích và Phạm vi		2. Purpose and Scope	
Tài liệu này quy định cách thức, phạm vi sử dụng dấu hiệu phòng thử nghiệm VinaCert được công nhận, chỉ định.		This document specifies the manner and scope of using laboratory mark VinaCert is recognized and appointed.	
3. Viết tắt và Định nghĩa		3. Definitions and Abbreviations	
Ngoài các từ viết tắt và định nghĩa đã được sử dụng trong VMM, quy trình này sử dụng các từ viết tắt và định nghĩa sau:		In addition to the definitions and abbreviation are use in VMM, this procedure used the abbreviations and definitions as follows:	
3.1 Viết tắt		3.2 Abbreviations	
A2LA: Hiệp hội Công nhận các phòng thử nghiệm Hoa Kỳ; AOSC: Văn phòng Công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp; BYT: Bộ Y tế; BCT: Bộ Công Thương; BNN: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.		A2LA: American Association for Laboratory Accreditation; AOSC: Accreditation Office for Standard Conformity Assessment Capacity; BYT: Ministry of Health; BCT: Ministry of Industry and Trade; BNN: Ministry of Agriculture and Rural Development.	
3.2. Định nghĩa: Không		3.2. Definitions: Non	
4. Nội dung		4. Content	
Biểu tượng/ Symbol	Quy tắc sử dụng dấu biểu tượng	Regulation on symbol usage	
4.1. Dấu công nhận của A2LA/ A2LA accreditation symbol			
4.1.1. Dấu công nhận đơn của A2LA/ Accredited symbol of A2LA			
	- Tuân thủ R105 của A2LA; - Sử dụng logo này theo tỷ lệ rộng/dài =2/4 trên brochure, tờ rơi, name card, bì thư, website vinacert.vn, bảng hiệu và pano triển lãm.	- Follow the requirements in R105 of A2LA; - This logo is used with the width/length ratio of 2/4 on brochures, flyers, name cards, envelopes, website, posters for exhibitions, presentations.	
4.1.2. Dấu phòng thử nghiệm được công nhận bởi A2LA/ A2LA accreditation symbol with code			
 3684.01; 3684.02 3684.03; 3684.04 3684.05; 3684.06 ISO/IEC 17025:2017	- Tuân thủ R105 của A2LA; - Tỷ lệ rộng/dài =2,2/4. Sử dụng dấu công nhận với cho kết quả thử nghiệm do phòng thử nghiệm phát hành; - Sử dụng trên báo cáo kết quả thử nghiệm F00-15-01 khi kết quả thử nghiệm có ít nhất 01 chỉ tiêu được A2LA công	- Follow the requirements in R105 of A2LA; - The width/length ratio is 2.2/4. Used the symbol for test results issued by Laboratory; - Using on the testing report form F00-15-01 when the test report has at least one method in the scope accredited by A2LA. For	

	nhận. Các chỉ tiêu khác phải có dấu hiệu nhận biết là chưa được công nhận; - Trên báo cáo kết quả thử nghiệm thể hiện rõ kết quả do nhà thầu phụ thực hiện, kể cả đối với các chỉ tiêu mà A2LA đã công nhận cho PTN VICB; - Sử dụng logo này trên brochure, tờ rơi, name card, bì thư, website vinacert.vn, bảng hiệu và pano triển lãm.	non-accredited methods, there shall be distinguished as unaccredited tests; - Test reports shall clearly indicate which parameter was subcontracted, including methods accredited by A2LA; - This logo is used on brochures, flyers, name cards, envelops, website, posters for exhibitions, presentations.
--	--	---

4.1.3. Dấu công nhận kết hợp của A2LA/ ILAC-MRA A2LA accreditation symbol

	- Sử dụng theo thoả thuận cấp phép chính thức với A2LA. Dấu công nhận kết hợp không được phép sử dụng cho tới khi thoả thuận này được chấp nhận bởi A2LA; - Các yêu cầu khác của mục 4.4.2 cũng được áp dụng cho việc sử dụng dấu này; - Không sử dụng dấu công nhận kết hợp trên danh thiếp. - Dấu công nhận kết hợp sử dụng phải theo tỷ lệ giống như mô tả ở bên; - Màu sắc của dấu công nhận kết hợp có thể là đen-trắng hoặc xanh lam. Màu sắc của dấu công nhận được quy định theo các bảng phân tích màu như sau: + PROCESS (CMYK) chỉ số màu: C100 M56 Y0 K0; + PANTONE (PMS) chỉ số màu: PANTONE 293C (xanh); + WEBSITE (RGB) chỉ số màu: R0 G0 B229.	- Used following the agreement with A2LA. This shall not be used until the agreement is approved by A2LA; - Requirements set in 4.4.2 are also applied to this symbol; - This symbol is not used on name card; - The symbol is used with the ratio as described by the picture in this table; - The combined symbol may be displayed in black-and-white or in an approved blue color according to the following color breakdowns: + PROCESS (CMYK) Color Breakdown: C100 M56 Y0 K0; + PANTONE (PMS) Color Breakdown: PANTONE 293C; + WEBSITE (RGB) Color Breakdown: R0 G0 B229.
---	---	--

4.2. Dấu công nhận của AOSC/ AOSC accreditation symbol

4.2.1. Dấu công nhận đơn của AOSC/ Accredited symbol of A2LA

	- Tuân thủ GR02 của AOSC; - Chỉ các tổ chức được AOSC công nhận mới được sử dụng biểu tượng được công nhận bởi AOSC (AOSC Accredited); - Sử dụng logo trong các tài liệu của hệ thống quản lý chất lượng, trong các ấn phẩm thông tin, danh mục các tổ	- Follow the requirements in GR02 of AOSC; - Only AOSC accredited organizations are allowed to use the "AOSC Accredited"; - The logo can be used in documents of the quality management system, accreditation certificate and publication, list
---	--	---

	chức được công nhận, tờ rơi, quảng cáo, mẫu thư, trang thông tin điện tử; - Không được sử dụng trên các kết quả thử nghiệm; - Tỷ lệ logo AOSC: 3 cm x 2 cm; - Màu sắc: + Chỉ số màu xanh: C100 M100 Y0 K40 R35 G31 B32 Pantone 273C; + Chỉ số màu đỏ: C0 M100 Y100 K0 R237 G28 B3 Pantone 185C; - Không có giới hạn về kích thước và màu sắc của dấu hiệu công nhận nhưng định dạng và tỉ lệ phải giữ nguyên như trong phiên bản mà AOSC cung cấp.	of accredited organizations, flyers, advertisement, letters, websites; - The logo shall not be used on testing results. - Size: 3 cm x 2 cm; - Color: - Blue (C100 M100 Y0 K40 and R35 G31 B32 Pantone 273C); - Red (C0 M100 Y100 K0 and R237 G28 B3 Pantone 185C); - There is no additional requirements on size, color of accredited symbol, but the ratio of the symbol shall be equivalent to the AOSC' symbol.
--	--	---

4.2.2. Dấu phòng thử nghiệm được công nhận của AOSC/ AOSC accreditation symbol with code

	- Tuân thủ GR02 của AOSC; - Dấu hiệu công nhận chỉ được sử dụng trên báo cáo kết quả cho các lĩnh vực đã được AOSC công nhận; - Sử dụng trên báo cáo kết quả thử nghiệm F00-15-01 khi kết quả thử nghiệm có ít nhất 01 chỉ tiêu được AOSC công nhận. Các chỉ tiêu khác phải có dấu hiệu nhận biết là chưa được công nhận; - Dấu hiệu công nhận gồm hai phần: Phần trên là biểu tượng của tổ chức công nhận (xem 4.5.1) và Phần dưới biểu tượng của tổ chức công nhận là cụm ký tự VLAT n.XXXX, cụ thể như sau: - font chữ Arial (Bold), màu đen; - Chiều cao của chữ VLAT n.XXXX và chuẩn mực công nhận bằng 1/3 chiều cao logo của AOSC; - n.XXXX là mã số duy nhất của phòng thí nghiệm được công nhận theo ISO/IEC 17025: + PTN 1 có mã số: 2.0115; + PTN 3 có mã số: 3.0115; + VAIQ có mã số: 1.0015;	- Follow the requirements in GR02 of AOSC; - Accreditation symbol shall only be used for the activities covered by the field of accreditation. - Using on the testing report form F00-15-01 when the test report has at least one method in the scope accredited by A2LA. For non-accredited methods, there shall be distinguished as unaccredited tests; - The accreditation symbol consists of two parts: The top part is the accreditation body logo (see 4.5.1); The bottom part, under the accreditation body logo, is a group of characters - VLAT n.XXXX, with the details below: - font: Arial (bold), in black; - The height of the group of characters VLAT n.XXXX and the standard shall be one third of the height of AOSC's logo; - n.XXXX is a unique code of the testing laboratory that has been accredited for ISO/IEC 17025: + Code of Lab 1: 2.0115; + Code of Lab 3: 3.0115; + Code of VAIQ: 1.0115;
--	---	--

	- ISO/IEC 17025:yyyy là chuẩn mực công nhận; yyyy là phiên bản chuẩn mực công nhận.	- ISO/IEC 17025:yyyy is the accreditation standard; yyyy is the accreditation standard.
4.2.3. Dấu công nhận kết hợp của AOSC/ ILAC-MRA AOSC accreditation symbol (Combined Mark)		
	- Dấu kết hợp là dấu công nhận của AOSC và dấu ILAC-MRA; - Sử dụng theo thỏa thuận cấp phép chính thức với Văn phòng AOSC. Dấu công nhận kết hợp chỉ được sử dụng khi thỏa ước này được chấp nhận bởi AOSC; - Các yêu cầu khác của mục 4.5.2 cũng được áp dụng cho việc sử dụng dấu này.	- Combined mark is The ILAC-MRA mark combined with accreditation symbol; - Used following the agreement with AOSC. This shall not be used until the agreement is approved by AOSC; - Requirements set in 4.5.2 are also applied to this symbol.
4.3. Dấu hiệu chỉ định của cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm/ Code of food testing establishment		
(thứ tự)/(năm cấp)/BYT-KNTP (BCT-KNTP/BNN-KNTP) Ví dụ 034/2022/BNN-KNTP 035/2021/BYT-KNTP	- Mã số cơ sở kiểm nghiệm được ký hiệu như sau: (số thứ tự)/(năm cấp)/BYT-KNTP (BCT-KNTP/BNN-KNTP) - Mã số cơ sở kiểm nghiệm được trình bày bằng chữ in hoa, phông chữ Times New Roman cỡ chữ 16, kiểu chữ đứng, đậm. Trong đó, số thứ tự của mã số cơ sở kiểm nghiệm gồm ba (03) chữ số; - Mã số cơ sở kiểm nghiệm được in ở góc trên bên trái phiếu kết quả kiểm nghiệm. Trên phiếu kết quả kiểm nghiệm cần ghi rõ các chỉ tiêu đã được chỉ định của cơ sở kiểm nghiệm.	- The code of laboratory is coded as follow: (ordinal number)/year of issue)/BYT-KNTP (BCT-KNTP/BNN-KNTP) - The codes of laboratory are in capital letters, 16 point Time New Roman font, vertical type, bold. In which the serial number of laboratory consists of three (03) digits; - The code of laboratory shall be printed on the upper side of the test result report. The test result report shall be identified on each assigned criteria.
5. Trách nhiệm, đào tạo và nhận thức	5. Responsibility, training and awareness	
Trưởng phòng Thử nghiệm, Trưởng Ban QA có trách nhiệm hướng dẫn các nhân viên có liên quan thực hiện theo đúng quy định này.	Head of Laboratory, Head of QA have responsibility to training relative staffs to comply with this regulation.	
6. Hồ sơ lưu: Không	6. Records: NA	
7. Sự bảo mật	7. Confidentiality	
Mọi nhân viên có trách nhiệm bảo mật toàn bộ các hồ sơ và thông tin liên quan đến việc thực hiện theo quy trình này. Không phân phối quy trình này ra bên ngoài. Nhân viên không liên quan không tiếp cận quy trình này	All staffs shall be responsible for securing all records and information related to the implementation under this procedure. Do not distribute this procedure outside of VICB. Irresponsible staff do not access to this procedure.	
8. Phụ lục: Không	8. Annex: NA	